

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Ths. Trương Xuân Tuyên

Công ty Cổ phần Khánh Duy

PGS.TS Trần Việt Tiến

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Thời gian qua, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã có sự phát triển vượt bậc. UBND Tỉnh ban hành nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ, và với quá trình cải cách hành chính, nhất là trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp mới, đã tạo điều kiện cho các DNNVV phát triển. Nhưng nhìn chung, các DNNVV chưa phát triển như mong muốn, nhất là trong bối cảnh hiện nay. Điều đó đòi hỏi phải có những giải pháp hữu hiệu hơn nữa để đẩy mạnh phát triển DNNVV trên địa bàn Tỉnh.

Từ khóa: DNNVV, Nghệ An,

1. Thực trạng DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1.1. Những thành tựu đạt được

Thứ nhất, về tình hình phát triển doanh nghiệp:

Số lượng DNNVV của Nghệ An giai đoạn 2006-2010 có bước phát triển mạnh cả về số lượng và quy mô, tốc độ tăng trưởng bình quân cả giai đoạn đạt 30,59%, trong lúc đó số lượng doanh nghiệp giải thể giảm xuống. Nhìn vào bảng 1 ta thấy, năm 2007 số lượng doanh nghiệp giải thể bằng 8,5% số doanh nghiệp thành lập, con số này đến năm 2010 chỉ còn 3,3%.

Đến năm 2011, do điều kiện kinh tế khó khăn, số

lượng doanh nghiệp thành lập có xu hướng giảm, số doanh nghiệp ngừng sản xuất và đóng mã số thuế có xu hướng tăng. Năm 2011, số lượng doanh nghiệp thành lập mới là 1.303; đến 10/12/2012, doanh nghiệp thành lập mới là 922 doanh nghiệp, giảm 29,24% so với cùng kỳ năm 2011.

Theo số liệu của Cục thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế Nghệ An, năm 2011, có 680 doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất kinh doanh, 665 doanh nghiệp đóng mã số thuế. Cần khẳng định rằng việc gia nhập và rút khỏi thị trường là hiện tượng bình thường trong nền kinh tế thị trường. Ở các nước phát triển, tỷ lệ doanh nghiệp giải thể ngay trong ba năm đầu sau khi thành lập khoảng 25-30%. Ở nước

Bảng 1: Số doanh nghiệp được thành lập và giải thể qua các năm

Năm	Tổng số DN		DN thành lập mới (DN TL)		DN giải thể (DN GT)	
	Số lượng	Tốc độ tăng (%)	Số lượng	Tốc độ tăng (%)	Số lượng	DN GT/DN TL (%)
2006	3929	100	854	100	51	5,97
2007	4800	122,17	871	101,99	74	8,5
2008	5699	118,73	899	103,21	66	7,34
2009	6990	122,65	1291	143,6	69	5,34
2012	83346	119,4	1356	105,03	45	3,32

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An

Bảng 2: DNNVV phân theo ngành kinh tế

STT	Ngành kinh tế	2010	2011
1	Nông nghiệp và Lâm nghiệp và thủy sản	392	477
2	Khai khoáng	142	309
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	479	539
4	SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	50	59
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	16	15
6	Xây dựng	1.084	1.787
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa oto, moto, xe máy và xe có động cơ	1.522	1.951
8	Vận tải, kho bãi	257	386
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	187	242
10	Thông tin và truyền thông	21	61
11	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	97	73
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	23	47
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	319	322
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	59	118
15	Giáo dục và đào tạo	25	35
16	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	20	17
17	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	21	14
18	Hoạt động dịch vụ khác	7	61
19	Hoạt động làm thuê các công việc gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	1	3
	Tổng số	4.722	6.516

Nguồn: Niên giám thống kê 2012 - Cục Thống kê Nghệ An

ta, đặc biệt là Nghệ An, do năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp yếu, nên trong điều kiện kinh tế khó khăn hiện nay số doanh nghiệp ngừng hoạt động và giải thể là điều dễ hiểu.

Theo kết quả khảo sát doanh nghiệp hàng năm của Cục Thống kê, vốn sản xuất kinh doanh bình quân một DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2005 đạt 6,1 tỉ đồng và tăng lên tới 12,7 tỉ đồng năm 2009.

Khu vực DNNVV hoạt động đa ngành nghề, chiếm tỷ trọng lớn nhất là lĩnh vực thương mại, dịch vụ và xây dựng. Doanh nghiệp phát triển ở tất cả các địa bàn trong tỉnh. Khu vực đồng bằng chiếm tỷ lệ 74,8%, riêng thành phố Vinh chiếm 47,95%, khu vực các huyện miền núi chiếm 25,2%, trong đó

vùng núi cao chỉ chiếm 2,86%.

DNNVV phát triển đa dạng, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ thương mại. Cho đến 2008 thì hầu hết các ngành kinh tế (ngành cấp 1) đều có doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh tế trừ hoạt động khoa học và công nghệ. Một số ngành kinh doanh năm 2000 chưa có DNNVV nào tham gia, thì đến nay đã có nhiều DNNVV tham gia hoạt động như y tế và trợ giúp xã hội; hoạt động văn hoá và thể thao.

Thứ hai, về giải quyết việc làm cho người lao động:

DNNVV đã tạo được nhiều việc làm, đến 2010 đã thu hút 135.934 lao động, chiếm gần 80% lao động sử dụng trong khu vực doanh nghiệp nói chung.

Năm 2011, khối DNNVV đã góp phần giải quyết việc làm cho 177 ngàn lao động, chiếm tỷ trọng 11% lao động toàn xã hội. Năm 2012, lực lượng lao động tại các doanh nghiệp cầm chừng, không tăng lên do doanh nghiệp thành lập mới ít hơn số lượng doanh nghiệp giải thể.

Nhận thức vai trò và vị trí của người lao động trong các DNNVV là hết sức quan trọng nên hầu hết các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã quan tâm, chú trọng đến phát triển và đào tạo nguồn nhân lực của mình. Nhiều doanh nghiệp đã chú trọng đào tạo và đào tạo lại trình độ cũng như tay nghề của người lao động bằng cách bố trí phù hợp và hài hòa, sử dụng tốt điểm mạnh, giảm bớt những điểm còn hạn chế của người lao động. Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ trọng cao với trên 70% lao động trong các DNNVV đã qua đào tạo từ sơ cấp trở lên và nếu tính từ trình độ trung cấp thì cũng đạt tới gần 60%.

Thứ ba, về đóng góp vào giá trị sản xuất và thu ngân sách tỉnh:

Năm 2011, tổng giá trị sản xuất của các DNNVV theo giá hiện hành ước đạt 46.212 tỷ đồng, chiếm 45,81% GDP toàn tỉnh; nộp ngân sách 3.417 tỷ đồng chiếm 50,23% tổng thu trên địa bàn, trong đó từ thu nội địa 40,1%, từ thu thuế xuất nhập khẩu 10,13%.

4 tháng năm 2012, các DNNVV đóng góp khoảng 44,85% GDP toàn tỉnh; nộp thuế 815 tỷ đồng giảm 11% so với cùng kỳ năm 2011. Nộp ngân sách Nhà nước của các DNNVV tăng đều qua các năm và chiếm 40% tổng thu nội địa toàn tỉnh. Tuy nhiên, do tình hình sản xuất kinh doanh kém, đến nay doanh nghiệp còn nợ đọng thuế gần 1.000 tỷ đồng, trong đó nợ thuế xuất nhập khẩu quá hạn gần 42 tỷ đồng, nợ bảo hiểm là 176,62 tỷ đồng.

Thứ tư, về hoạt động xuất nhập khẩu:

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh đã xuất bán hàng hoá sang thị trường hơn 60 nước, bao gồm các nước Châu Mỹ, Châu Á, Châu Âu, Châu Phi... Trong đó, thị trường các nước ASEAN và Đông Bắc Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Đài Loan, Hàn Quốc là bạn hàng chính của các DNNVV Nghệ An.

Năm 2011, trên địa bàn Nghệ An có 124 DNNVV tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, đạt 483,3 triệu USD kim ngạch xuất khẩu, 134,4 triệu USD kim ngạch nhập khẩu. Trong đó xuất khẩu hàng hóa đạt 227,7 triệu USD. 4 tháng năm 2012 kim ngạch xuất

khẩu đạt 64,226 triệu USD, tăng 1,03% so với cùng kỳ trong đó xuất khẩu hàng hóa, đạt 45,854 triệu USD, bằng 80,99% cùng kỳ.

DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã góp phần quan trọng vào việc tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh; giải quyết việc làm, góp phần tích cực vào công cuộc xoá đói giảm nghèo, thực hiện có hiệu quả sự nghiệp CNH nông nghiệp, nông thôn.

1.2. Những hạn chế chủ yếu và nguyên nhân

Thứ nhất, hạn chế lớn nhất trong phát triển các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An là về khả năng tiếp cận và sử dụng vốn. Vấn đề này thời gian qua Trung ương và Tỉnh đã ban hành một số chính sách hỗ trợ DNNVV, nhưng do thiếu đồng bộ, việc tổ chức triển khai chậm, thiếu nguồn lực để thực hiện; các ngành, các cấp ít kiểm tra đôn đốc việc thực hiện nên các chính sách đó chưa phát huy hiệu quả.

Mặt khác, do lãi suất ngân hàng cao, tín dụng thắt chặt gây khó khăn cho DNNVV trong việc tiếp cận nguồn vốn. Có một số DNNVV chưa chấp hành tốt việc vay trả nợ, ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của các ngân hàng, nợ xấu có xu hướng tăng lên. Năm 2011, tổng số nợ xấu tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn Tỉnh là 966 tỷ đồng, chiếm 1,6% trong tổng dư nợ, cuối quý 1/2012 tăng lên 1.125 tỷ đồng, chiếm 1,9% trong tổng dư nợ, tăng 0,3% so với đầu năm. Tuy nhiên, ngay cả khi DNNVV có hoặc tiếp cận được vốn thì cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc sử dụng vốn do thị trường bị thu hẹp, sản xuất kinh doanh bị đình trệ, hàng tồn kho lớn.

Thứ hai, hầu hết các DNNVV chưa xây dựng được chiến lược kinh doanh bài bản và đầy đủ. Công tác nghiên cứu thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu của các DNNVV mới chỉ dừng lại ở khả năng quan sát, nhìn nhận chưa đầy đủ và toàn diện. Thị trường nước ta còn kém phát triển, thiếu đồng bộ và bị chia cắt. Khó khăn lớn nhất của thị trường trong nước hiện nay là sức mua thấp, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi. Do bị hạn chế về công nghệ, chất lượng, mẫu mã, thiếu thông tin và ít có điều kiện tiếp xúc với thị trường nước ngoài, nên khó xuất khẩu. Trên thực tế, các DNNVV nước ta nói chung và các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói riêng chủ yếu làm gia công cho các tổ chức trung gian trong và ngoài nước, xuất khẩu ủy thác qua các doanh nghiệp lớn.

Thứ ba, DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An tăng

nhanh về số lượng, nhưng quy mô còn nhỏ bé, vốn ít, đầu tư đổi mới công nghệ còn chậm. Nhìn chung, các DNNVV sản phẩm làm ra chất lượng hạn chế, khó cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Giá thành sản phẩm cao do chi phí đầu vào cao, làm giảm tính cạnh tranh của DNNVV tỉnh Nghệ An. Chất lượng hàng hóa và mẫu mã lạc hậu, đặc biệt là đối với hàng nông sản và các sản phẩm công nghiệp.

Thứ tư, khả năng tiếp cận, đổi mới với công nghệ mới, tiên tiến còn hạn chế do các DNNVV thiếu vốn và trình độ còn không ít bất cập. Mức Nhà nước hỗ trợ cho đổi mới công nghệ còn thấp, chiếm một phần nhỏ trong tổng kinh phí DNNVV bỏ ra. Đồng thời, cơ chế hỗ trợ sau khi đã thực hiện đổi mới công nghệ không hợp lý, nên không khuyến khích được DNNVV thực hiện việc đổi mới này.

Thứ năm, hoạt động phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV vẫn tập trung chủ yếu vào việc hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở đào tạo và các chương trình đào tạo do các cơ quan Nhà nước thực hiện mà chưa có sự chú trọng đến phát triển thị trường lao động. Phát triển thị trường lao động chưa thật sự được coi là một trong các giải pháp cơ bản, bền vững cho việc phát triển nguồn nhân lực một cách hiệu quả.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên, quy tụ lại có một số nguyên nhân chủ yếu, đó là:

Thứ nhất, công tác quản lý và tổ chức sản xuất, kinh doanh trong các DNNVV là khâu yếu kém nhất do trình độ của người quản lý thấp, nhận thức và trình độ lao động yếu kém. Thiếu vốn là một trong những nguyên nhân cũng đáng quan tâm của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay.

Thứ hai, cơ chế chính sách của Trung ương, của Tỉnh còn thiếu đồng bộ, không kịp thời, thiếu nhất quán và chưa thật sự hấp dẫn. Trong điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay, hầu như chưa có giải pháp nào tháo gỡ khó khăn cho DNNVV. Công tác cải cách hành chính của các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, điều đó đã gây cản trở sự phát triển DNNVV. Các DNNVV còn khó khăn trong việc thuê mặt bằng sản xuất kinh doanh, mặc dù đã có nhiều khu công nghiệp và các cụm công nghiệp. Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền, nhân dân chưa đầy đủ và thiếu thống nhất, còn lúng túng trong chỉ đạo điều hành, do vậy chưa tạo lập được môi trường tâm lý xã hội đến phát triển khu vực

DNNVV.

Thứ ba, Nghệ An là một tỉnh có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, xa trọng điểm phát triển kinh tế của cả nước. Bên cạnh đó, DNNVV tỉnh Nghệ An đang phải đối mặt với tình trạng máy móc thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, làm cho năng suất lao động không cao, dẫn đến chất lượng sản phẩm thấp và giá thành cao.

Thứ tư, để mở rộng thị trường xuất khẩu trước hết phải có vốn lớn. DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An vốn ít, lại khó tiếp cận các nguồn tín dụng nên càng gặp khó khăn trong việc xuất khẩu sản phẩm của mình. Mặt khác, trong nền kinh tế thị trường, thông tin lại được coi là yếu tố đặc biệt quan trọng, góp phần tạo nên sự thành công trong cạnh tranh của DN. Thực tế công tác thu thập và xử lý thông tin của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An diễn ra khá chậm, do doanh nghiệp không đủ năng lực tài chính để tự tìm kiếm thông tin về thị trường, đối tác, bạn hàng... và ít được trợ giúp từ các trung tâm thông tin, tư vấn, ngân hàng, hiệp hội ngành nghề, dịch vụ hỗ trợ xúc tiến thương mại.

Thứ năm, DNNVV chưa chủ động trong việc xây dựng và điều chỉnh chiến lược kinh doanh dài hạn như chiến lược về công nghệ sản xuất, chiến lược về nhân sự, chiến lược marketing...

Thứ sáu, các cơ chế chính sách ưu đãi, tạo điều kiện khuyến khích thu hút đầu tư vào Nghệ An trong những năm qua đã thông thoáng hấp dẫn, song trong quá trình thực hiện còn nhiều vướng mắc, chậm trễ. Ý thức và tinh thần trách nhiệm của một số Sở, ngành còn thấp, công tác giải phóng mặt bằng khó khăn. Một số dự án đầu tư đã đăng ký và được chấp thuận song tiến độ triển khai chậm.

2. Một số giải pháp phát triển DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An

2.1. Đối với các cấp chính quyền

Thứ nhất, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với xu thế phát triển mới. Tiếp tục rà soát các văn bản hiện hành liên quan đến quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với văn bản pháp luật do Chính phủ, các bộ ngành trung ương đã ban hành. Sớm nghiên cứu ban hành Quy chế phối hợp giữa các ngành các cấp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; có văn bản chỉ đạo các ngành các cấp chấn chỉnh, tăng cường quản lý nhà nước đối với DN trên địa bàn.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, nhất là trên các lĩnh vực thu hút đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, tài chính, theo hướng giải quyết công việc thuận lợi nhất, nhanh nhất cho DN và các nhà đầu tư. Phấn đấu giảm 10-15% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế, hải quan cho cá nhân, tổ chức và DN.

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ tốt việc cung cấp dịch vụ công tại các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, nhất là tại các ngành Thuế, Hải quan, đăng ký kinh doanh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động các Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông: niêm yết công khai về yêu cầu hồ sơ, thời hạn xử lý, người chịu trách nhiệm xử lý; đầu tư trang thiết bị; bố trí cán bộ đáp ứng cả chuyên môn và phẩm chất, đạo đức. Đồng thời, có chế tài khen thưởng, kỷ luật nghiêm túc đối với cán bộ, công chức tại bộ phận này.

Thứ ba, tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất, tập trung quy hoạch không gian bố trí mặt bằng sản xuất cho lĩnh vực nông lâm ngư, xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách nhằm khai thác hợp lý, hiệu quả quỹ đất và các nguồn tài nguyên. Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, thu hút vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo thuận lợi cho các DN đầu tư vào Nghệ An, trong đó có DNNVV.

Thứ tư, trong những năm tới, cần tập trung nghiên cứu và triển khai thực hiện một số nhóm giải pháp và phương thức hỗ trợ mang tính đột phá, mạnh mẽ hơn để hỗ trợ cho các DNNVV có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi nhằm tăng thu nhập, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp tạo ra sản phẩm mới, có giá trị gia tăng cao; đẩy mạnh triển khai thực hiện các chương trình đổi mới, ứng dụng công nghệ, chú trọng phát triển công nghệ cao nhằm tạo ra các sản phẩm mới, trang thiết bị, máy móc hiện đại.

Thứ năm, tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ công chức quản lý doanh nghiệp, cho doanh nhân, thông qua các cuộc tập huấn, website của các ngành để cập nhật, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật. Hàng năm, ưu tiên bố trí ngân sách tổ chức các lớp đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho bộ phận doanh nghiệp mới thành lập; tuyên truyền các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh: Luật Doanh nghiệp, Luật

Đầu tư, các Luật Thuế, Xây dựng, Đấu thầu, Chứng khoán,... và những văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, của tỉnh cho doanh nhân, công chức, viên chức các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao kiến thức pháp luật cho cán bộ công chức, cán bộ quản lý doanh nghiệp và cho người dân nói chung.

Thứ sáu, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp, Tổ chức tốt các hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh. Rà soát tổ chức bộ máy, bổ sung chức năng nhiệm vụ của các Trung tâm liên quan đến hỗ trợ DN như: Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Tư vấn phát triển, Trung tâm Xúc tiến du lịch, Trung tâm Xúc tiến thương mại, Trung tâm Khuyến công, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ tài chính, Trung tâm Công nghệ thông tin; bổ sung cán bộ có chuyên môn, trình độ, đầu tư kinh phí và các điều kiện, nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm.

Thứ bảy, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp, chỉ đạo các Sở, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành một số cơ chế chính sách hỗ trợ DN tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, khẩn trương các giải pháp theo kết luận của các cuộc họp UBND tỉnh về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội; doanh nghiệp nợ, chậm trả lương cho người lao động;

- Xây dựng kế hoạch và có chính sách đào tạo xây dựng đội ngũ doanh nhân, nguồn nhân lực có kỹ thuật, theo địa chỉ và theo yêu cầu cho doanh nghiệp. Rà soát, quy hoạch và nâng cao chất lượng đào tạo hệ thống các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu chính sách nhằm quảng bá, phát triển thị trường trong tỉnh, khuyến khích nhân dân tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp trong tỉnh;

- Hàng năm đầu tư thêm ngân sách hỗ trợ chương trình trợ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, kiến thức pháp luật, tổ chức các hội chợ gắn với nhu cầu của doanh nghiệp;

- Sớm thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp của tỉnh.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các loại quy hoạch của Tỉnh (quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã

hội tỉnh, huyện, thành phố, thị xã; quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết sử dụng đất, phát triển các khu công nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu...). Công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các ngành, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận thông tin và cơ hội đầu tư kinh doanh trên địa bàn, đồng thời định hướng phát triển doanh nghiệp theo quy hoạch.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác quản lý nhà nước đối với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật tại các doanh nghiệp. Kiểm tra điều kiện kinh doanh theo quy định đối với doanh nghiệp, tập trung vào một số lĩnh vực: hành nghề y dược tư nhân, tư vấn xây dựng, kinh doanh xăng dầu, môi giới việc làm, xuất khẩu lao động, dịch vụ bảo vệ, dịch vụ cầm đồ...

Chủ động gặp gỡ, trao đổi và lắng nghe các phản hồi, phản ánh từ doanh nghiệp, đa dạng hóa các hình thức đối thoại (*qua trang web, hộp thư điện tử, hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh*) để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp và hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh. Coi việc đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin hai chiều, kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho doanh nghiệp là việc làm thường xuyên của các cấp các ngành.

Chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước thực hiện kịp thời các chính sách tín dụng đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại trên địa bàn, tăng cường kiểm tra, thanh tra các hoạt động của các cơ sở tín dụng nhằm trợ giúp doanh nghiệp giải quyết khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn.

Quan tâm xây dựng phát triển tổ chức Đảng, các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong DN. Khuyến khích và tạo điều kiện các Hội doanh nghiệp hoạt động. Định kỳ, tổ chức suy tôn, vinh danh các doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê Nghệ An (2012), *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An 2011*.
2. *Đề án phát triển DNNVV tỉnh Nghệ An giai đoạn 2006- 2010*.
3. *Đề án phát triển DNNVV tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011- 2015*.
4. *Kết quả điều tra DN trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến 31/12/2009*- Cục Thống kê tỉnh Nghệ An.
5. Sở Kế hoạch- Đầu tư Nghệ An (2010), *Số lượng DNNVV đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2006- 2011*.

2.2. Đối với các DNNVV

Thứ nhất, các doanh nghiệp cần đánh giá lại chiến lược kinh doanh gắn với sự di chuyển dòng tiền, vốn tín dụng, mặt bằng lãi suất để có chiến lược kinh doanh dài hạn, ngắn hạn hợp lý; điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường, ưu tiên những mặt hàng có khả năng xoay vòng vốn nhanh nhất. Mỗi DNNVV phải chủ động tái cơ cấu chính mình phù hợp với sự thay đổi của thị trường.

Thứ hai, các DNNVV cần tăng cường liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính khác để nâng cao năng lực tài chính của mình. Đa dạng hóa huy động nguồn vốn đầu tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi tiêu, sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả, tiết giảm nhân lực kết hợp tăng năng suất lao động.

Thứ ba, mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, kiểu dáng mẫu mã đủ sức cạnh tranh trên thị trường; xây dựng phương án bán hàng hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng và thúc đẩy phát triển thị trường, tăng khả năng thanh khoản cho các giao dịch.

Thứ tư, coi trọng việc đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật, quản lý, quản trị doanh nghiệp cho cán bộ công nhân bằng cách khuyến khích việc tự học thêm, tham gia tích cực các lớp tập huấn do các cấp ngành tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, tích cực cập nhật thông tin, dự báo tình hình nắm bắt kịp thời diễn biến nhu cầu thị trường.

Thứ năm, khởi sự kinh doanh cần nghiên cứu kỹ các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và các địa phương, quy hoạch ngành, lựa chọn địa điểm, đối tác, lĩnh vực hoạt động... gắn với hiệu quả kinh tế. □